

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST

Ngày 18/10/2019

V/v tranh chấp ly hôn của nam nữ  
sống chung với nhau như vợ chồng  
mà không đăng ký kết hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Nhân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lâm Ngọc Hà

2. Ông Nguyễn Văn Ngự

*Thư ký phiên tòa:* Ông Đinh Quốc Thanh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 18/10/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2019/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 27/9/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ông Thị Thúy L, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số 260/2, ấp Trường Lộc, xã An M, huyện KS, tỉnh ST (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lý Ngọc T, sinh năm 1969

Địa chỉ: ấp Phú Hữu, xã PT, huyện CT, tỉnh ST (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN :**

*Trong đơn khởi kiện ngày 18/6/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Ông Thị Thúy L trình bày:* Bà và ông Lý Ngọc T sống chung vào năm 1989 nhưng không có ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian sống chung bà và ông T có hai đứa con chung tên Lý Thị Ngọc M, sinh ngày 08/10/1990 và Lý Ngọc L, sinh ngày 12/10/1992. Trong thời gian đầu sống chung hòa thuận và rất hạnh phúc, đến năm 2004, thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau, thường xuyên cự cãi nhau. Nay bà L cảm thấy hôn nhân không thể hàn gắn được nữa, nên bà làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Lý Ngọc T.

Về con chung: Có hai đứa nêu trên đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Đối với ông Lý Ngọc T là bị đơn trong vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên tòa, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*: Khi thụ lý vụ án về việc tranh chấp ly hôn, sau khi nghiên cứu hồ sơ cũng như quá trình diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn của nam nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1, khoản 7, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà L và ông T xác lập quan hệ vợ chồng không có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là không hợp pháp. Theo bà L cho rằng, trong thời gian đầu sống chung rất hòa thuận và rất hạnh phúc, đến năm 2004, thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau, thường xuyên cự cãi nhau. Tòa án cũng đã tạo điều kiện để vợ chồng có cơ hội hàn gắn cuộc hôn nhân bằng việc tổ chức hòa giải nhằm để động viên vợ chồng hàn gắn, nhưng bà L vẫn kiên quyết, vì cho rằng không thể nào hàn gắn và sống chung với ông T được nữa. Nay bà L làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông T, còn ông T thì đều vắng mặt.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy thực trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng bà L, ông T khó có thể hàn gắn vì đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L là không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L với ông T.

[5] *Về con chung*: Trong thời gian chung sống bà L và ông T có hai con chung tên Lý Thị Ngọc M, sinh ngày 08/10/1990 và Lý Ngọc L, sinh ngày 12/10/1992 đã trưởng thành, bà L không yêu cầu giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch, theo quy định tại Khoản 4, Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

Về quyền kháng: cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH :**

- Căn cứ khoản 1, khoản 7, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1, Điều 39 điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; khoản 4, Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1, Điều 9; khoản 1, Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ông Thị Thúy L.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Ông Thị Thúy L với ông Lý Ngọc T.

Về con chung: Lý Thị Ngọc M, sinh ngày 08/10/1990 và Lý Ngọc L, sinh ngày 12/10/1992 đã trưởng thành, phát triển về thể chất và tinh thần, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Bà Ông Thị Thúy L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008755, ngày 18/6/2019, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, **đôi với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.**

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh ST;
- Viện KSND huyện CT;
- Chi cục THA dân sự huyện CT;
- **UBND cấp xã Phú Tâm;**
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Nhân**